

Số: 347 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính của
các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 342/SNV-CCHC&VTTLT ngày 12 tháng 01 năm 2026.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã năm 2025, gồm:

1. Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành (*Phụ lục 01*).
2. Chỉ số cải cách hành chính UBND các xã, phường (*Phụ lục 02*).
- Chỉ số cải cách hành chính cấp xã phân loại theo nhóm các Phường (*Phụ lục 2.1*).
- Chỉ số cải cách hành chính cấp xã phân loại theo nhóm các xã (*Phụ lục 2.2*).

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính 2025 để triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh lồng ghép trong báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ quý, 6 tháng, năm của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- Chánh, các Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, HCTC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Út



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban ngành năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
1	Sở Xây dựng	94,52	Xuất sắc
2	Sở Tài chính	94,36	Xuất sắc
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	92,99	Xuất sắc
4	Sở Nội vụ	91,13	Xuất sắc
5	Sở Y tế	90,19	Xuất sắc
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89,75	Tốt
7	Sở Khoa học và Công nghệ	88,58	Tốt
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	88,01	Tốt
9	Sở Ngoại vụ	87,47	Tốt
10	Văn phòng UBND tỉnh	86,12	Tốt
11	Sở Tư pháp	86,08	Tốt
12	Thanh tra tỉnh	84,74	Tốt
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	82,87	Tốt
14	Sở Công Thương	81,95	Tốt
15	BQL các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	80,58	Tốt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính UBND các xã, phường năm 2025
*(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
1	UBND phường Bình Phước	94,56	Xuất sắc
2	UBND xã Long Hà	93,72	Xuất sắc
3	UBND xã Thiện Hưng	93,49	Xuất sắc
4	UBND xã Dầu Giây	92,08	Xuất sắc
5	UBND phường Đồng Xoài	91,84	Xuất sắc
6	UBND xã Đại Phước	91,80	Xuất sắc
7	UBND xã Tân An	91,63	Xuất sắc
8	UBND xã Phước An	90,86	Xuất sắc
9	UBND xã Đa Kia	90,64	Xuất sắc
10	UBND phường Trảng Biên	90,63	Xuất sắc
11	UBND xã Trị An	90,45	Xuất sắc
12	UBND xã Trảng Bom	90,19	Xuất sắc
13	UBND Phường Phước Bình	90,14	Xuất sắc
14	UBND xã Tân Quan	89,33	Tốt
15	UBND phường An Lộc	88,92	Tốt
16	UBND xã Phú Lý	88,78	Tốt
17	UBND xã Đồng Phú	88,59	Tốt
18	UBND xã Xuân Lộc	88,58	Tốt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
19	UBND xã Lộc Ninh	88,54	Tốt
20	UBND xã Tà Lài	88,08	Tốt
21	UBND xã Phước Sơn	88,06	Tốt
22	UBND xã Gia Kiệm	87,79	Tốt
23	UBND xã Lộc Quang	87,77	Tốt
24	UBND xã Xuân Hòa	87,74	Tốt
25	UBND xã Nghĩa Trung	87,67	Tốt
26	UBND xã Minh Đức	86,83	Tốt
27	UBND xã Cẩm Mỹ	86,76	Tốt
28	UBND xã Hưng Thịnh	86,68	Tốt
29	UBND xã Xuân Phú	86,67	Tốt
30	UBND xã Xuân Đường	86,50	Tốt
31	UBND xã Tân Hưng	86,41	Tốt
32	UBND xã Long Thành	86,40	Tốt
33	UBND phường Hồ Nai	86,33	Tốt
34	UBND xã Xuân Đông	86,16	Tốt
35	UBND xã Tân Phú	86,09	Tốt
36	UBND phường Bình Long	86,04	Tốt
37	UBND xã Đồng Tâm	85,81	Tốt
38	UBND xã Bình Tân	85,78	Tốt
39	UBND xã La Ngà	85,70	Tốt
40	UBND xã Xuân Bắc	85,66	Tốt
41	UBND xã Thọ Sơn	85,64	Tốt
42	UBND phường Phước Long	85,63	Tốt
43	UBND phường Tam Hiệp	85,60	Tốt
44	UBND phường Hàng Gòn	85,55	Tốt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
45	UBND xã Sông Ray	85,43	Tốt
46	UBND xã Xuân Thành	85,37	Tốt
47	UBND phường Bảo Vinh	85,35	Tốt
48	UBND xã Bù Đăng	85,32	Tốt
49	UBND phường Xuân Lập	85,20	Tốt
50	UBND xã Bàu Hàm	84,56	Tốt
51	UBND xã Hưng Phước	84,55	Tốt
52	UBND xã An Viễn	84,38	Tốt
53	UBND phường Long Khánh	84,10	Tốt
54	UBND phường Tân Triều	83,81	Tốt
55	UBND xã Lộc Thạnh	83,61	Tốt
56	UBND xã Bình Minh	83,32	Tốt
57	UBND phường Trảng Dài	82,82	Tốt
58	UBND xã Xuân Định	82,79	Tốt
59	UBND xã Nha Bích	82,57	Tốt
60	UBND xã Bù Gia Mập	82,56	Tốt
61	UBND xã Định Quán	82,44	Tốt
62	UBND phường Biên Hòa	82,39	Tốt
63	UBND xã Phú Riêng	82,38	Tốt
64	UBND xã Phú Vinh	81,57	Tốt
65	UBND xã Thống Nhất	81,39	Tốt
66	UBND phường Chơn Thành	81,37	Tốt
67	UBND xã Thanh Sơn	81,15	Tốt
68	UBND xã Bom Bo	81,08	Tốt
69	UBND phường Long Bình	80,89	Tốt
70	UBND xã An Phước	80,75	Tốt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
71	UBND xã Lộc Tấn	80,36	Tốt
72	UBND xã Nhơn Trạch	80,12	Tốt
73	UBND xã Phú Trung	80,04	Tốt
74	UBND xã Tân Khai	79,44	Khá
75	UBND xã Đak Nhou	79,30	Khá
76	UBND phường Tam Phước	78,91	Khá
77	UBND xã Nam Cát Tiên	78,84	Khá
78	UBND xã Tân Lợi	78,82	Khá
79	UBND xã Phước Thái	78,11	Khá
80	UBND phường Bình Lộc	77,58	Khá
81	UBND phường Minh Hưng	77,45	Khá
82	UBND phường Phước Tân	77,29	Khá
83	UBND xã Phú Lâm	76,63	Khá
84	UBND xã Phú Hòa	76,20	Khá
85	UBND xã Phú Nghĩa	75,05	Khá
86	UBND xã Lộc Hưng	73,29	Khá
87	UBND xã Xuân Quế	72,81	Khá
88	UBND xã Bình An	72,45	Khá
89	UBND xã Đak Lua	72,13	Khá
90	UBND xã Tân Tiến	71,09	Khá
91	UBND xã Lộc Thành	70,60	Khá
92	UBND xã Thuận Lợi	69,16	Khá
93	UBND xã Long Phước	68,38	Khá
94	UBND phường Long Hưng	66,20	Khá
95	UBND xã Đăk Ô	57,68	Trung bình



Phụ lục 2.1

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2025
phân loại theo nhóm các Phường**

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
1	UBND phường Bình Phước	94,56	Xuất sắc
2	UBND phường Đồng Xoài	91,84	Xuất sắc
3	UBND phường Trấn Biên	90,63	Xuất sắc
4	UBND Phường Phước Bình	90,14	Xuất sắc
5	UBND phường An Lộc	88,92	Tốt
6	UBND phường Hồ Nai	86,33	Tốt
7	UBND phường Bình Long	86,04	Tốt
8	UBND phường Phước Long	85,63	Tốt
9	UBND phường Tam Hiệp	85,60	Tốt
10	UBND phường Hàng Gòn	85,55	Tốt
11	UBND phường Bảo Vinh	85,35	Tốt
12	UBND phường Xuân Lập	85,20	Tốt
13	UBND phường Long Khánh	84,10	Tốt
14	UBND phường Tân Triều	83,81	Tốt
15	UBND phường Trảng Dài	82,82	Tốt
16	UBND phường Biên Hòa	82,39	Tốt
17	UBND phường Chơn Thành	81,37	Tốt
18	UBND phường Long Bình	80,89	Tốt
19	UBND phường Tam Phước	78,91	Khá
20	UBND phường Bình Lộc	77,58	Khá
21	UBND phường Minh Hưng	77,45	Khá
22	UBND phường Phước Tân	77,29	Khá
23	UBND phường Long Hưng	66,20	Khá



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2.2

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2025

phân loại theo nhóm các xã

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
1	UBND xã Long Hà	93,72	Xuất sắc
2	UBND xã Thiện Hưng	93,49	Xuất sắc
3	UBND xã Dầu Giây	92,08	Xuất sắc
4	UBND xã Đại Phước	91,80	Xuất sắc
5	UBND xã Tân An	91,63	Xuất sắc
6	UBND xã Phước An	90,86	Xuất sắc
7	UBND xã Đa Kì	90,64	Xuất sắc
8	UBND xã Trị An	90,45	Xuất sắc
9	UBND xã Trảng Bom	90,19	Xuất sắc
10	UBND xã Tân Quan	89,33	Tốt
11	UBND xã Phú Lý	88,78	Tốt
12	UBND xã Đồng Phú	88,59	Tốt
13	UBND xã Xuân Lộc	88,58	Tốt
14	UBND xã Lộc Ninh	88,54	Tốt
15	UBND xã Tà Lài	88,08	Tốt
16	UBND xã Phước Sơn	88,06	Tốt
17	UBND xã Gia Kiệm	87,79	Tốt
18	UBND xã Lộc Quang	87,77	Tốt
19	UBND xã Xuân Hòa	87,74	Tốt
20	UBND xã Nghĩa Trung	87,67	Tốt
21	UBND xã Minh Đức	86,83	Tốt
22	UBND xã Cẩm Mỹ	86,76	Tốt
23	UBND xã Hưng Thịnh	86,68	Tốt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
24	UBND xã Xuân Phú	86,67	Tốt
25	UBND xã Xuân Đường	86,50	Tốt
26	UBND xã Tân Hưng	86,41	Tốt
27	UBND xã Long Thành	86,40	Tốt
28	UBND xã Xuân Đông	86,16	Tốt
29	UBND xã Tân Phú	86,09	Tốt
30	UBND xã Đồng Tâm	85,81	Tốt
31	UBND xã Bình Tân	85,78	Tốt
32	UBND xã La Ngà	85,70	Tốt
33	UBND xã Xuân Bắc	85,66	Tốt
34	UBND xã Thọ Sơn	85,64	Tốt
35	UBND xã Sông Ray	85,43	Tốt
36	UBND xã Xuân Thành	85,37	Tốt
37	UBND xã Bù Đăng	85,32	Tốt
38	UBND xã Bàu Hàm	84,56	Tốt
39	UBND xã Hưng Phước	84,55	Tốt
40	UBND xã An Viễn	84,38	Tốt
41	UBND xã Lộc Thạnh	83,61	Tốt
42	UBND xã Bình Minh	83,32	Tốt
43	UBND xã Xuân Định	82,79	Tốt
44	UBND xã Nha Bích	82,57	Tốt
45	UBND xã Bù Gia Mập	82,56	Tốt
46	UBND xã Định Quán	82,44	Tốt
47	UBND xã Phú Riềng	82,38	Tốt
48	UBND xã Phú Vinh	81,57	Tốt
49	UBND xã Thống Nhất	81,39	Tốt
50	UBND xã Thanh Sơn	81,15	Tốt
51	UBND xã Bom Bo	81,08	Tốt

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ SỐ CCHC	XẾP LOẠI
52	UBND xã An Phước	80,75	Tốt
53	UBND xã Lộc Tấn	80,36	Tốt
54	UBND xã Nhơn Trạch	80,12	Tốt
55	UBND xã Phú Trung	80,04	Tốt
56	UBND xã Tân Khai	79,44	Khá
57	UBND xã Đak Nhau	79,30	Khá
58	UBND xã Nam Cát Tiên	78,84	Khá
59	UBND xã Tân Lợi	78,82	Khá
60	UBND xã Phước Thái	78,11	Khá
61	UBND xã Phú Lâm	76,63	Khá
62	UBND xã Phú Hòa	76,20	Khá
63	UBND xã Phú Nghĩa	75,05	Khá
64	UBND xã Lộc Hưng	73,29	Khá
65	UBND xã Xuân Quế	72,81	Khá
66	UBND xã Bình An	72,45	Khá
67	UBND xã Đak Lua	72,13	Khá
68	UBND xã Tân Tiến	71,09	Khá
69	UBND xã Lộc Thành	70,60	Khá
70	UBND xã Thuận Lợi	69,16	Khá
71	UBND xã Long Phước	68,38	Khá
72	UBND xã Đăk Ô	57,68	Trung bình